

Số: **288/2018/QĐST-HNGĐ**

*T, ngày 03 tháng 4 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Minh N, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 86, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B.

*Bị đơn:* Hồ Văn T, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 93 Đ, phường T, quận T, Tp. H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Đinh Thị Minh N và ông Hồ Văn T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Minh N và ông Hồ Văn T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà N và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 18/10/2016 của UBND phường N, thị xã A, tỉnh B, cấp cho bà N và ông T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Hai bên xác định không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nợ chung: không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình: Án phí hôn nhân gia đình là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) do bà N tự nguyện chịu nhưng được cản trừ vào số tiền bà N đã tạm nộp án phí theo biên lai số 0010602 ngày 31/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Hoàn lại cho bà N 150.000 đồng theo biên lai nói trên.

**3.** Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. T ;
- UBND phường N, thị xã A, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm Phán**

**Lê Công Huân**